

Bản án số: 52/2019/HS-PT
Ngày: 25-02-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Lê Khắc Thịnh
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Tô Phú Đông Ông Ngô Tấn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 11/2019/TLPT-HS ngày 04 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thành T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2018/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thành T, sinh năm 199x; tên gọi khác: Tý; nơi sinh: Tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú ấp 4, xã Hòa B, huyện T, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 196x và bà Cao Thị Hồng Đ, sinh năm 197x; vợ tên Lê Thị T, sinh năm 199x; có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 03/8/2018. Hiện bị cáo đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Minh H không kháng cáo. Những người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 31/3/2018, Nguyễn Minh H, Nguyễn Văn Đ,

Nguyễn Văn T cùng uống rượu, bia tại quán của ông T5 thuộc tuyến dân cư ấp 4, xã Hòa B, huyện T, tỉnh Đ. H thấy Trần Văn Q, Trần Văn T4, Mai Thông Nghĩa N và Mai Duy P đang uống rượu bia bàn bên cạnh. H nhớ lại mâu thuẫn trước đây nên H điện thoại nói với T mang dao tự chế đến để đánh nhau, T đồng ý đến rồi vào bàn H ngồi và điện thoại cho B (Cò) kêu đem 02 cây dao tự chế mà T gửi cho B lên quán ông T5 để đánh nhau, B đồng ý.

Khoảng 20 phút sau, B điều khiển xe mô tô đến cách chỗ T ngồi khoảng 01 mét, ném hai dao tự chế xuống lề cỏ, đổi diện bàn của T rồi điều khiển xe chạy đi hướng xã Tân Công S. T đi ra lấy một dao tự chế được quán trong chiếc áo vải để ở hàng rào sau lưng H, một dao tự chế không quán gì để dưới chân T. Khoảng 05 phút sau, H cầm dao tự chế bằng tay phải đi trước, T cũng cầm dao tự chế bằng tay phải đi theo sau đến bàn của Q. Lúc này, bàn của Q chỉ còn T4, N và Q, còn P thì đi ra phía sau để nghe điện thoại. H đứng phía sau, bên phải của Q, tay phải cầm tự dao tự chế chém từ trên xuống, từ phải qua trái, Q đưa tay phải lên đỡ bị thương ở tay phải và rút điện thoại. Q khom người nhặt điện thoại lên thì H tiếp tục chém trúng vào cánh tay phải, Q bỏ chạy thì bị H chém trúng vào bả vai bên phải. Lúc này, T4 đứng lên nói chuyện, bị H chém trúng vào phía sau đầu bên trái một cái, T bỏ chạy ra phía sau. H nhìn thấy chỉ còn mình N ngồi trong bàn nhậu (do N nghĩ không liên quan đến N) và H chém từ trên xuống, N đưa tay trái lên đỡ, bị thương ở tay. N bỏ chạy ra phía sau, được một đoạn thì quay lại lấy điện thoại. H chạy đến nói điện cho ai, vừa nói xong, H tiếp tục chém một cái nữa trúng vào tay trái của N, N bỏ chạy về hướng chợ Hòa B. P đang nghe điện thoại xong đi bên cạnh nhà ông T5, H nhìn thấy chém trúng vào ngực và tay trái của P. P bỏ chạy ra trước đường thì gặp T đang dùng dao tự chế chém vào trụ đá mục đích để không cho ai đánh lại H. Thấy P quen nên T cản H lại cho P bỏ chạy. Sau khi gây thương tích xong, H cùng đi với Đ, T đi cùng với T3 về nhà H ở ấp Tân Hưng, xã Tân Công S, huyện T, tỉnh Đ (cách nơi gây thương tích 2km). T mượn điện thoại của H gọi cho B đến nhà H để đưa 02 dao tự chế cho B cất giấu. Đối với Q được đưa đến bệnh viện đa khoa tỉnh Đ.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 ĐTDĐ OPPO A71 (2018) màu đen, IMEI 867760031865018, 01 sim điện thoại số 01224.048.178 của Nguyễn Minh H; 01 Điện thoại di động hiệu IPHONE 4, màu đen viền bạc, IMEI 012542000491479, 01 sim điện thoại số 01282.901.874 của Nguyễn Thành T; 01 ĐTDĐ NOKIA 1280, màu tím viền đen, số seri 355352047897430; 01 sim điện thoại số 01654520689 của Hồ Quốc B; 01 cây dao, cán và lưỡi đều bằng kim loại dài 67cm; phần cán tròn màu xanh dương, dài 16cm; phần lưỡi dài 51cm, rộng 3,6cm; 01 con dao, cán và lưỡi đều bằng kim loại dài 46cm; phần cán tròn dài 16cm; phần lưỡi dài 30cm, rộng 3,9cm, trên lưỡi có 12 lỗ rỗng tròn của Nguyễn Thành T.

Căn cứ Bản Kết luận giám định pháp y về y tế số: 128/TgT, ngày 05/4/2018 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp, kết luận đối với: Mai Thông Nghĩa N có tỷ lệ thương tích như sau: Sẹo sẹo sứt da mặt ngoài

cánh tay trái, kích thước 24cm x 0,1cm lành; Sẹo vết thương phần mềm mặt ngoài cẳng tay trái, kích thước 7 x 0,2 cm còn chỉ khâu; Sẹo vết thương phần mềm mặt trong cẳng tay trái, kích thước 3,5 x 0,2cm, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 2%, kết luận khác: Thương tích trên do vật có cạnh sắc bén gây ra.

Căn cứ Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 129/TgT, ngày 05/4/2018 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp, kết luận đối với Trần Văn T4 có tỷ lệ thương tích như sau: Sẹo vết thương phần mềm vùng chẩm trái kích thước 1,3 x 1,2cm, sẹo lành, không dấu khuyết xương, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 1%, kết luận khác: Sẹo vết thương phần mềm do vật sắc bén gây nên.

Căn cứ Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 130/TgT, ngày 05/4/2018 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp, kết luận đối với Mai Duy P có tỷ lệ thương tích như sau: Sẹo sâu sát da không liên tục ngực trái, kích thước 17 x 0,2cm, sẹo sâu sát da cổ tay phải và cẳng tay phải, kích thước 3 x 0,1cm, 2 x 0,1cm, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 1%, kết luận khác: Thương tích trên do vật có cạnh sắc bén gây ra.

Căn cứ Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 163/TgT, ngày 10/5/2018 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp, kết luận đối với Trần Văn Q có tỷ lệ thương tích như sau: Sẹo xước da bả vai phải kích thước 6cm x 0,2cm sẹo lành; Sẹo vết thương phần mềm 1/3 giữa cánh tay phải, kích thước 1 x 0,2cm sẹo lành; sẹo vết thương phần mềm 1/3 giữa cẳng tay phải, kích thước 7,5 x 0,2cm sẹo lành, ấn còn đau nơi vết thương, sẹo mổ dọc xương cẳng tay phải kích thước 5 x 0,2cm sẹo lành, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 13%, kết luận khác: Sẹo vết thương + gãy xương trụ do vật sắc bén gây nên.

Trong quá trình điều tra Nguyễn Thành T khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung đã nêu trên và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án.

Tại bản án số 28/2018/HS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội: “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Nguyễn Minh H 02 năm 06 tháng tù, tuyên về trách nhiệm dân sự, về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03 tháng 12 năm 2018, bị cáo Nguyễn Thành T có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo Nguyễn Thành T bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Xét mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp. Sau khi án sơ thẩm tuyên, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do cấp sơ thẩm chưa xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, như vợ vừa mới sinh con, bị cáo là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đơn chiếc. Tuy nhiên, những tình tiết này không là những tình tiết được áp dụng cho bị cáo hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thành T, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Trong phần tranh luận, bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội, không tranh luận mà chỉ xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thành T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Do có mâu thuẫn từ trước nên khoảng hơn 22 giờ ngày 31/3/2018, các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Thành T bàn bạc cùng nhau mang dao tự chế đến quán ông T5 chém và gây thương tích cho Mai Thông Nghĩa N với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02%, Trần Văn T4 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%, Mai Duy P với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%, Trần Văn Q với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 13%.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật. Bị cáo là người đã thành niên, có thể chất, tinh thần phát triển bình thường, có khả năng điều khiển hành vi, giao tiếp xã hội, nhận thức được pháp luật, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Bị cáo nhận thức được con dao tự chế bằng kim loại là hung khí nguy hiểm, nhận thức được hành vi dùng dao chém vào cơ thể người khác là sẽ gây thương tích, là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn dùng dao tự chế đứng ở ngoài có hành vi đe dọa không cho người khác vào can ngăn hoặc đánh lại bị cáo H. Ngoài ra, bị cáo thừa biết hành vi H dùng dao tự chế chém vào cơ thể người khác là sẽ gây thương tích và có thể dẫn đến chết người nhưng bị cáo không ngăn cản mà còn đồng ý và

tạo điều kiện bằng cách kêu B đem 02 dao tự chế mà T gửi trước đó đem đến cho bị cáo, bị cáo dùng 01 cái dao và đưa cho H 01 cái dao thực hiện tội phạm và gây thương tích cho Mai Thông Nghĩa Nh với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02%, cho Trần Văn T4 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%, cho Mai Duy P với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%, cho Trần Văn Q với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 13%, chứng tỏ việc phạm tội của bị cáo là cố ý và thực hiện tội phạm đã hoàn thành.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thành T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự, là có căn cứ, đúng pháp luật. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là không nặng, hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, đã cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo và đã áp dụng mức hình phạt dưới khung đối với bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo với lý do vợ bị cáo vừa mới sinh con, bị cáo là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đơn chiếc. Tuy nhiên, những tình tiết này không phải là căn cứ để áp dụng cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo T là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bị cáo T không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thành T. Giữ nguyên phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thành T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC – Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- TA-VKS-THADS huyện Tam N;
- CQCSĐT Công an huyện Tam N;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (M).

**Tm. Hội Đồng Xét Xử Phúc Thẩm
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa**

(Đã Ký)

Lê Khắc Thịnh